TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2021

"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 513/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai Tr, sinh năm 1989;

Địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;

Địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh L.

(Bà Tr yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-11-2020, bản tự khai và các lời trình bày trong các Biên bản tại Toà án, nguyên đơn Đỗ Thị Mai Tr trình bày:

Bà và ông T quen biết nhau, sau khi tự tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý thì tiến tới kết hôn, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 10-11-2009. Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên cãi vả do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, hiện tại đã ly thân hơn 01 năm nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay

thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đỗ D, sinh năm 2011 và Nguyễn Thiên B, sinh năm 2017. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên B, ông T nuôi con chung tên Nguyễn Đỗ D; không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, bà còn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng ông T không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Mai Tr yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn", ông T có hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Bà Đỗ Thị Mai Tr có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và yêu cầu không tiến hành hoà giải. Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mai Tr và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 10-11-2009 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo bà Tr trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, và đã không còn sinh hoạt với nhau hơn một năm nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Tr và ông T có hai con chung tên Nguyễn Đỗ D, sinh năm 2011 và Nguyễn Thiên B, sinh năm 2017. Con chung hiện nay đang sống với ông bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên B sinh năm 2017, đồng ý giao con tên Nguyễn Đỗ D sinh năm 2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, mặc dù ông T không có văn bản trình bày ý kiến về con chung nhưng hiện nay con chung vẫn còn sống chung vợ chồng ông bà, cháu Nguyễn Đỗ D có nguyện vọng muốn được sống chung với cha. Do đó cần giao cháu Nguyễn Đỗ D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Về con chung tên

Nguyễn Thiên B còn nhỏ tuổi, cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, ông T không có ý kiến phản đối gì nên cần chấp nhận giao cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tr và ông T không ai yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trình và ông T không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà Đỗ Thị Mai Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mai Tr. Cho bà Đỗ Thị Mai Tr ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Mai Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thiên B sinh ngày 29-11-2017, ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đỗ D sinh ngày 22-7-2011. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Mai Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002574 ngày 23-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Đỗ Thị Mai Tr đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
Nguyễn Thị Oanh Thy - Đặng Thị Bích Loan	**Hồ Thị Miên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Miên